

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
(Ngày 29 tháng 12 năm 2023 )

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
  - Họ và tên: Phạm Thị Thu Hương. Ngày tháng năm sinh: 22/04/1986.
  - Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng.
  - Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Vinh Quang
  - Nơi thường trú: Thôn Tự Tiên xã Tiên Minh huyện Tiên Lãng.
  - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 031186015173 ngày cấp 31/08/2021 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH.
2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập
  - Họ và tên: Đỗ Mạnh Tài. Ngày tháng năm sinh: 31/10/1981
  - Nghề nghiệp: Công nhân
  - Nơi làm việc<sup>(4)</sup>:
  - Nơi thường trú: Thôn Tự Tiên xã Tiên Minh huyện Tiên Lãng.
  - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031081001833 ngày cấp 21/07/2015 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH.
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)
  - 3.1. Con thứ nhất:
    - Họ và tên: Đỗ Thị Linh. Ngày tháng năm sinh: 02/04/2007
    - Nơi thường trú: Thôn Tự Tiên xã Tiên Minh huyện Tiên Lãng.
    - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 31307007709 ngày cấp 05/05/2022 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC và TTXH.
  - 3.2. Con thứ hai:
    - Họ và tên: Đỗ Văn Lộc. Ngày tháng năm sinh: 12/04/2010
    - Nơi thường trú: Thôn Tự Tiên xã Tiên Minh huyện Tiên Lãng.
    - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>: Đã được cấp giấy quyền sử dụng đất
  - 1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>: Đất ở.
    - 1.1.1. Thửa thứ nhất:
      - Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Đường 212 thôn Lộc Trù xã Tiên Thắng huyện Tiên Lãng thành phố Hải Phòng.
      - Diện tích<sup>(9)</sup>: 90m<sup>2</sup>.
      - Giá trị<sup>(10)</sup>: 97.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Mạnh Tài và bà Phạm Thị Thu Hương

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Không có

1.1.2. Thừa thứ 2: Không có

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>:

- Diện tích<sup>(9)</sup>:

- Giá trị<sup>(10)</sup>:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>:

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Không có

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không có

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị<sup>(10)</sup>:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không có

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà<sup>(14)</sup>:

- Giá trị<sup>(10)</sup>:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không có.

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị<sup>(10)</sup>:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không có.

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
  - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
  - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không có
- 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>:
- 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có
  - 6.1. Cổ phiếu:
    - Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
    - Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
  - 6.2. Trái phiếu:
    - Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
    - Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
  - 6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:
    - Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
    - Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
  - 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:
    - Tên giấy tờ có giá: .....Giá trị:.....
    - Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....
- 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
  - 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:
    - Tên tài sản: Xe máy Honda SH. Số đăng ký: 15H138999 Giá trị: 73.500.000đ.
    - Tên tài sản: ..... Số đăng ký: ..... Giá trị: .....
  - 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: Không có.
    - Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
    - Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
- 8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không có.
- 9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không có.
  - Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....
  - Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....
- 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 211.000.000đ
  - Tổng thu nhập của người kê khai: 103.000.000đ
  - Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 108.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có.
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có.

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup>** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không có biến động

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô,</p>		+100.000.000	Tiền tiết kiệm hàng năm từ thu nhập lương phụ cấp và thu nhập tăng thêm

mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .		+211.000.000đ	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 211.000.000đ
--	--	---------------	--

Vinh Quang, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI**



HIỆU TRƯỞNG  
*Từ Thị Nguyệt*

Vinh Quang, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**

**Phạm Thị Thu Hương**